

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Châu.

2. Bà Phan Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 5, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

* *Bị đơn:* ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(bà K và ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà tự nguyện kết hôn với ông T vào năm 2018, có đăng ký hôn tại UBND T. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, từ đầu năm 2021 P sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên tranh cãi, không hợp nhau, ông T bỏ bê không chăm lo cho gia đình,

một mình bà phải chăm sóc cho con. Khoảng từ đầu năm 2021 đến đầu năm 2022 bà và cháu P phải chuyển về nhà bộ mẹ tại tỉnh Đắk Lắk sinh sống, vợ chồng bà ly thân với nhau. Do không mong muốn gia đình đổ vỡ nên bà và cháu P về chung sống với ông T được một thời gian thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng tiếp tục sống ly thân với nhau. Hiện nay, bà xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, bà xác định không còn tình cảm với ông T nên không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên bà xin ly hôn.

- Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Kim P, sinh ngày 30/6/2020. Ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Hiện nay, bà đang làm việc tại công ty TNHH cơ khí chính xác Đại Nam P, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 8.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Cháu P hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống chung với bà, mọi sinh hoạt đưa đón cháu đi học, chăm sóc hàng ngày từ trước đến nay đều do bà trực tiếp chăm lo.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông tự nguyện kết hôn với bà K vào năm 2018 tại UBND xã Thanh Phú. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông hạnh phúc được thời gian đầu, khoảng từ đầu năm 2021 thì bắt đầu P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, P sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không hợp nhau, bà K có quan hệ với người đàn ông khác. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà K nên không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được, bà K xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: ông và bà K có 01 con chung tên là Nguyễn Kim P, sinh ngày 30/6/2020. Cháu P hiện nay đang sống chung với bà K, việc chăm sóc đưa đón đi học, ăn, ngủ từ trước đến nay vẫn do bà K trực tiếp chăm lo. Ly hôn ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Hiện nay, ông đang làm việc tại công ty changshin, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 12.000.000 đồng, ông sống chung với bố mẹ, có nhà cửa nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà K và ông T trong quá trình chung sống P sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

Về con chung: bà K và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Kim P, sinh ngày 30/6/2020. Hiện nay cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu P cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bà Phạm Thị K khởi kiện vụ án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đôi với người bị kiện ông Nguyễn Kim T thì bà K là nguyên đơn, ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà K và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà K có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông T xảy ra từ khoảng đầu năm 2021 đến nay, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không hiểu và chia sẻ, thông cảm cho nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà K và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, cả hai xác định không còn tình cảm với nhau nữa, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

Do đó, hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông T.

[3] Về con chung: bà K và ông T có 01 con chung là Nguyễn Kim P, sinh ngày 30/6/2020. Cả bà K và ông T đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Kim P chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*. Đồng thời, căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện, bà K hiện nay có việc làm, có thu nhập để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Ngoài ra, cháu P hiện đang sống chung với bà K, từ trước đến nay bà K là người đang trực tiếp chăm sóc cháu P. Do đó, cần giao cháu P cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung: bà K và ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà K và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí sơ thẩm”*.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí”*.

Như vậy, trong vụ án ly hôn, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, trường hợp thuận tình ly hôn thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định. Trong vụ án này, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra bản án sơ

thẩm. Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

Nguyên đơn bà K tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Phạm Thị K.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Kim P, sinh ngày 30/6/2020 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà K không yêu cầu.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: bà Phạm Thị K tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004467 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, hoàn trả cho bà K 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA